

TAD HUYỆN LỤC NGẠN
TỈNH BẮC G

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 50/2020/ HS-ST

Ngày: 08/7/2020

^ NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN, TỈNH BẮC G

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phan Văn Thề.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ninh Văn Trung

Ông Trần Đăng ThAnh

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ca - Cán bộ
Toà án nhân dân huyện LNg, tỉnh BG.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gian phiên
toà:

Ông Nguyễn Đức C – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 03, 07 và 08 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân
dân huyện LNg, tỉnh BG xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 29/2020/
HSST ngày 25/3/2020, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Văn Th - Tên gọi khác: Không

Sinh năm: 1972, tại huyện YD, tỉnh BG;

Nơi ĐKKHKT: Thôn BB, xã YL, huyện YD, tỉnh BG; Chỗ ở: Thôn
BB, xã YL, huyện YD, tỉnh BG.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lái xe
ô tô; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): không;

Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Nguyễn Văn Thả (đã chết); Con bà: Tạ
Thị Thịnh, sinh năm 1935; Vợ: Đào Thị Diệu, sinh năm 1973 đều trú tại
Thôn BB, xã YL, huyện YD, tỉnh BG; Con: Có 2 con (lớn sinh năm 1991,
nhỏ sinh năm 1994); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp

ngăn chặn Cầm đi khỏi nơi cư trú, hiện bị cáo đAg tại ngoại ở nơi cư trú (có mặt).

2. Họ và tên: Phạm Văn G - Tên gọi khác: Không.

Sinh năm: 1961, tại: huyện LNg, tỉnh BG; Nơi cư trú, chỗ ở: Số 10, ngõ 1, tổ dân phố NG, phường XG, thành phố BG, tỉnh BG; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lái xe ô tô; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): không; Trình độ học vấn: 07/10; Con ông: Phạm Văn Ph (đã chết); Con bà: Nguyễn Thị S (đã chết); Vợ: Hoàng Thị B, sinh năm 1960, hiện ở Thôn MT, xã PĐ, huyện LNg, tỉnh BG; Con: Có 6 con (lớn sinh năm 1978, nhỏ sinh năm 2001); Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 1271 ngày 10/9/1992 của Tòa phúc thẩm - Tòa án nhân dân tối cáo xử phạt Phạm Văn G 2 năm tù về tội Mua bán phụ nữ. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 13/6/1991 đến ngày 25/9/1991, Phạm Văn G phải chịu 15.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Tính đến thời điểm phạm tội mới bị cáo đã được xóa án tích; Tại bản án hình sự phúc thẩm số 152/2008/HSST ngày 22/10/2008 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc G xử phạt Phạm Văn G 6 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”. Tháng 12/2008 Phạm Văn G chấp hành xong án phí. Tính đến thời điểm phạm tội mới bị cáo đã được xóa án tích; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cầm đi khỏi nơi cư trú, hiện bị cáo đAg tại ngoại ở nơi cư trú (Có mặt).

*** Bị hại:**

1/ Ông Sầm Văn Th - Sinh năm 1956 (vắng mặt)

Trú quán: NL – GS – LNg – BG.

2/ Ông Trần văn Q, sinh năm 1950 (vắng mặt)

Trú quán: ĐL – TL – LNg – BG

3/ Ông Bùi Xuân T, sinh năm 1954 (vắng mặt)

Trú quán: MT – PĐ – LNg – BG

4/ Anh Hoàng Văn Kh, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Trú quán: Thôn R – ĐG – LNg – BG

5/ Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Trú quán: Thôn R – ĐG – LNg – BG

6/ Ông Trần văn Th, sinh năm 1961 (vắng mặt)

Trú quán: Phố B – BĐ – LNg – BG

7/ Bà Đặng Thị S, sinh năm 1967 (vắng mặt)

Trú quán: Khu 1 – TT AC – SĐ – BG

8/ Ông Vi Văn Đ (Đã chết) – Hiện nay có những người đại diện gồm:

- Bà Lý Thị D - Sinh năm 1957

Trú quán: Thôn Ch – PĐ – LNg – BG.

- Chị Vi Thị Đ, sinh năm 1981

Trú quán: VP – TH – LNg – BG.

- Chị Vi Thị K - Sinh năm 1984

Trú quán: Thôn Ch – PĐ – LNg – BG.

- Chị Vi Thị S, sinh năm 1986

Trú quán: VP – TH – LNg – BG.

- Anh Vi Văn S - Sinh năm 1989

Trú quán: Thôn Ch – PĐ – LNg – BG.

- Chị Vi Thị X - Sinh năm 1995

Trú quán: SM – TH – LNg – BG.

(Bà D, chị Đ, chị K, chị S, chị X uỷ quyền cho Anh Vi Văn S) - (vắng mặt).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ Ông Bùi Văn H - Sinh năm 1959 (có mặt khi xét hỏi và tranh luận vắng mặt khi tuyên án)

Trú quán: MT – PĐ – LNg – BG.

2/ Bà Trịnh Thị Ch - Sinh năm 1958 (vắng mặt)

Trú quán: NL – GS – LNg – BG.

3/ Anh Sầm Văn C - Sinh năm 1984 (vắng mặt)

Trú quán: NL – GS – LNg – BG.

4/ Anh Trần văn H - Sinh năm 1989 (vắng mặt)

Trú quán: ĐL – TL – LNg – BG.

5/ Ông Bùi Văn T - Sinh năm 1967 (vắng mặt)

Trú quán: Thôn Ch – PĐ – LNg – BG.

- 6/ Bà Lương Thị H - Sinh năm 1956 (vắng mặt)
Trú quán: MT – PĐ – LNg – BG.
- 7/ Chị Bùi Thị S - Sinh năm 1991 (vắng mặt)
Trú quán: HS – BS – LNg – BG.
- 8/ Anh Phạm Văn T - Sinh năm 1978 (có mặt khi xét hỏi vắng mặt khi tranh luận và tuyên án)
Trú quán: MT – PĐ – LNg – BG.
- 09/ Anh Trần văn V - Sinh năm 1991 (vắng mặt)
Trú quán: Phố B – BĐ – LNg – BG.
- 10/ Chị Hà Thuý Ng - Sinh năm 1973 (vắng mặt)
Trú quán: Số 10, ngõ 1, tổ dân phố NG, phường XG, Thành phố BG – BG.
- 11/ Bà Hoàng Thị B - Sinh năm 1960 (vắng mặt)
Trú quán: MT – PĐ – LNg – BG.
- 12/ Bà Trần Thị K - Sinh năm 1983 (vắng mặt)
Trú quán: MT – PĐ – LNg – BG.
- 13/ Ông Bùi Văn Th - Sinh năm 1976 (vắng mặt)
Trú quán: MT – PĐ – LNg – BG.
- 14/ Ông Phạm Văn B - Sinh năm 1960 (vắng mặt)
Trú quán: MT – PĐ – LNg – BG.
- 15/ Ông Hoàng Văn Th - Sinh năm 1962 (vắng mặt)
Trú quán: MT – PĐ – LNg – BG.
- * Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn G:
Ông V Văn Ngh – Luật sư
Địa chỉ: 117 đường NGT, phường SH, thành phố BNi, tỉnh BN (Có mặt).
- * Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Th: Bà Ngọc Thị V – Luật sư thuộc công ty Luật TNHH FAcI – Đoàn Luật sư tỉnh Bắc G; Địa chỉ: Số 344 đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Bắc G, tỉnh Bắc G (có mặt khi xét hỏi và tranh luận, vắng mặt tuyên án).
- * Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Bùi Văn H:

Ông Nguyễn Huy A – Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Huy A; Địa chỉ: Số 5/B15 - Tập thể bảo tàng Hồ Chí Minh, ngõ 67, phố Vạn Bảo, phường Liễu Giani, quận Ban Đình, thành phố Hà Nội (có mặt khi xét hỏi vắng mặt khi tranh luận và tuyên án)

* Người làm chứng:

Anh Phạm Văn H - Sinh năm 1972 (vắng mặt)

Trú quán: MT – PĐ – LNg – BG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 10/11/2012 đến ngày 30/12/2013 Phạm Văn G, sinh năm 1961, trú tại số 10, ngõ 01, tổ dân phố Nam G, phường Xương G, thành phố Bắc G, nhận tổng số tiền 625.000.000 đồng của Bùi Văn H, sinh năm 1959, trú tại Thôn MT, xã PĐ, huyện LNg, tỉnh BG để hứa hẹn xin việc làm vào biên chế viên chức các ngành giáo dục, y tế, truyền hình và lo chạy chế độ chất độc học đa cam cho những người gồm:

Xin vào biên chế viên chức giáo viên cho Anh Trần văn H, sinh năm 1989, trú tại Thôn ĐL, xã TL, huyện LNg, tỉnh BG;

Xin vào biên chế viên chức ngành y tế cho chị Bùi Thị S, sinh năm 1991, trú tại Thôn Chay, xã Phì Điền, huyện LNg, tỉnh BG;

Xin vào biên chế viên chức Đài truyền hình cho chị Đỗ Thị Hải Yến, sinh năm 1988, trú tại Khu 1, thị trấn AC, huyện SĐ, tỉnh BG;

Xin vào biên chế viên chức ngành y tế cho Anh Trần văn V, sinh năm 1991, trú tại PB, xã BĐ, huyện LNg, tỉnh BG;

Xin vào biên chế viên chức giáo viên cho Anh Sầm Văn C, sinh năm 1984, trú tại Thôn NL, xã GS, huyện LNg, tỉnh BG;

Nhận lo chạy chế độ chất độc màu da cam cho ông Vi Văn Đ, sinh năm 1956, trú tại Thôn Ch, xã PĐ, huyện LNg, tỉnh BG.

- Ngoài ra trong khoảng thời gian từ khoảng tháng 8/2012 đến tháng 12/2012 Phạm Văn G còn nhận số tiền 70.000.000 đồng của Anh Hoàng Văn Kh, sinh năm 1983, trú tại Thôn R, xã ĐG, huyện LNg, tỉnh BG hứa hẹn xin việc vào biên chế viên chức Bệnh viện đa khoa huyện Lục Ngạn cho chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1990 là vợ Anh Kh.

Sau khi nhận tổng số tiền là 695.000.000 đồng của những người trên, trong khoảng thời gian từ ngày 19/10/2012 đến ngày 28/12/2013 Phạm Văn G đã chuyển số tiền 350.000.000 đồng cho Nguyễn Văn Th, sinh năm 1972, trú tại Thôn BB, xã YL, huyện YD, tỉnh BG là người không có thẩm quyền trong việc tuyển dụng Công chức, Viên chức, để xin việc cho chị S, Anh V, Anh Th. Cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng đầu năm 2011 ông Bùi Văn H được Phạm Văn G cho biết có khả năng xin việc cho người khác vào làm viên chức tại cơ quan nhà nước của tỉnh Bắc G. Khi đó ông Trần văn Q, sinh năm 1950, trú tại Thôn Đồng Láy, xã Tân Lập, huyện Lục Ngạn, có con trai là Anh Trần văn H tốt nghiệp hệ cao đẳng trường Đại học sư phạm Thái Nguyên chưa xin được việc. Hạnh có nói chuyện với ông Quý là có quen biết Phạm Văn G ở thành phố Bắc G có thể xin được việc cho các cháu học ra trường, thì ông Quý nhờ Hạnh xin việc giúp cho Hiền vào làm viên chức ngành giáo dục. Sau đó Hạnh nói lại với Phạm Văn G, thì G đồng ý nhận xin việc cho Anh Hiền. 03 ngày sau ông Trần văn Q đã giao cho Bùi Văn H số tiền 75.000.000 đồng cùng hồ sơ xin việc, Hạnh viết giấy nhận tiền dưới hình thức vay nợ giao lại cho ông Quý và hứa hẹn mấy tháng sau khi có đợt thi tuyển viên chức thì Hiền sẽ được đi làm.

Biết được thông tin về việc ông Hạnh đã nhận hồ sơ lo chạy cho các cháu đã tốt nghiệp Đại học và Cao đẳng vào làm việc tại một số cơ quan nhà nước. Năm 2012 ông Bùi Xuân T, sinh năm 1954, trú tại Thôn MT, xã PĐ, huyện Lục Ngạn, có cháu ruột là chị Bùi Thị S, sinh năm 1991, trú tại Thôn Chay, xã Phì Điền, huyện Lục Ngạn, chị S tốt nghiệp trường Trung cấp Y Bắc G chưa xin được việc làm. Hạnh cũng bảo với ông T về việc nhờ Phạm Văn G có khả năng xin việc vào biên chế ngành y tế cho cháu S, chi phí xin

việc cho cháu S hết 150.000.000 đồng. Ngày 03/5/2012 âm lịch ông T mAg hồ sơ xin việc cùng số tiền 50.000.000 đồng đến đưa cho Bùi Văn H, sau đó vài ngày thì bà Lương Thị H, sinh năm 1956 là vợ của ông T có đến nhà Hạnh yêu cầu Hạnh viết giấy dưới hình thức vay nợ số tiền 50.000.000 đồng.

Ngày 10/11/2012 Bùi Văn H viết giấy và giao cho Phạm Văn G số tiền là 120.000.000 đồng, theo lời khai của Hạnh là tiền xin việc của cháu S và Hiền. Sau đó do lâu ngày không xin được việc cho Anh Hiền nên ông Quý tìm gặp ông Hạnh để đòi lại tiền, lúc này phạm Văn G chưa trả lại số tiền trên mà ông Hạnh chuyển giao cho, nên ông Hạnh đã lấy tiền của mình trả cho ông Quý số tiền 70.000.000 đồng, còn lại 5.000.000 đồng ông Quý không yêu cầu Bùi Văn H phải trả nữa.

Tại cơ quan điều tra Bùi Văn H khai nhận là G có nói với Hạnh là chi phí để xin việc cho Anh Hiền hết 80.000.000 đồng, Hạnh sau khi nhận tiền của ông Trần văn Q với số tiền 75.000.000 đồng, Hạnh đã chuyển giao cho G để xin việc cho Trần văn H. G khai sau khi Hạnh nhờ xin việc cho Anh Hiền và nhận tiền của Hiền từ ông Hạnh, thì G đã nhờ ông Nguyễn Văn Doãn, sinh năm 1955, ở số 126, đường Đông Thành, tổ dân phố Thành Vinh, phường Xương G, thành phố Bắc G, tỉnh Bắc G, G đã nhận chi phí xin việc từ Hạnh với số tiền 150.000.000 đồng chuyển cho ông Doãn để xin việc cho Hiền. Đến tháng 6/2013 ông Doãn trả lại tiền cho G với lý do không xin được việc, G đã trả Hạnh số tiền 120.000.000 đồng, còn lại số tiền 30.000.000 đồng G trừ nợ số tiền Hạnh đã vay của G. Tiến hành lấy lời khai của ông Trần văn Q xác định đã đưa cho Bùi Văn H số tiền 75.000.000 đồng để xin việc cho Anh Hiền, mặt khác cơ quan Cảnh sát điều tra - Công An tỉnh Bắc G tiến hành xác minh, xác định được ông Nguyễn Văn Doãn làm nghề thợ may, nhưng đã chết vào ngày 27/3/2014, xác định giữa Phạm Văn G và Bùi Văn H không có quan hệ vay nợ, nên không có căn cứ để xác định Phạm Văn G đã chuyển số tiền 150.000.000 đồng cho ông Doãn để xin việc cho Hiền. Trong khoảng thời gian này ông Bùi Văn H đã nhiều lần chuyển tiền cho Phạm Văn G, nhưng không có căn cứ để xác định G chuyển số tiền của

Hiện cho Doãn để xin việc, nên cáo trạng xác định G phải chịu trách nhiệm đối với khoản tiền của Hiện trong tổng số tiền 345.000.000 đồng mà G đã giữ lại chiếm đoạt.

Vụ thứ hai: Năm 2012 ông Bùi Xuân T có nhờ Bùi Văn H xin việc cho cháu Bùi Thị S vào biên chế viên chức ngành y tế, thì Hạnh lại trao đổi và nhờ Phạm Văn G, thì G có bảo với Hạnh là chi phí xin việc phải 150.000.000 đồng. Ngày 03/5/2012 âm lịch ông Bùi Xuân T có nhận số tiền từ bố cháu S là ông Bùi Xuân Tám (Anh trai của T), sau đó ông T đã mAg số tiền 50.000.000 đồng đưa chuyển cho Hạnh, sau đó Hạnh đã viết giấy biên nhận tiền dưới hình thức vay nợ với bà Lương Thị H. Tiếp đó đến ngày 09/11/2012 ông T lại tiếp tục nhận tiền từ ông Tám với số tiền 105.000.000 đồng để xin vào viên chức y tế, trong số tiền này thì có 5.000.000 đồng là tiền chi phí cho Hạnh đi lại. Hạnh sau khi nhận tiền đã đưa cho Phạm Văn G và hứa hẹn thời gian sau cháu S sẽ được tuyển dụng đi làm. Trong thời gian này G đã nhiều lần chuyển cho Th số tiền xin việc cho chị S. Lâu ngày không xin được việc cho S, nên gian đình chị S đã đòi lại tiền thông quan Hạnh và ông Hạnh đã rất nhiều lần đòi tiền G và Th, nên Th đã tìm cách làm giả tờ quyết định về việc xét tuyển viên chức mAg tên Bùi Thị S để đưa cho G, rồi G mAg đến nhà Hạnh trình và đọc cho gian đình chị S nghe để chị S tin tưởng. Nhưng rất lâu sau chị S vẫn không được đi làm nên tiếp tục đòi tiền quan Hạnh. Đến năm 2015 thì Th trả tiền cho G, rồi G trả lại số tiền đó cho Hạnh và Hạnh đã trả lại tiền cho gian đình chị S. Căn cứ vào lời khai của Nguyễn Văn Th, Phạm Văn G cùng tài liệu thu giữ là bản quyết định xét tuyển viên chức mAg tên Bùi Thị S (Quyết định giả do Th tự tạo) cáo trạng kết luận đủ căn cứ xác định Phạm Văn G đã chuyển số tiền xin việc của Bùi Thị S cho Nguyễn Văn Th để xin việc cho S trong tổng số tiền 350.000.00 đồng mà G đã chuyển cho Th.

Vụ thứ ba: Khoảng đầu năm 2013 Bùi Xuân T có cháu họ là Đỗ Thị Hải Yến, sinh năm 1988 tốt nghiệp trường Cao đẳng truyền hình chưa xin được việc. Hạnh trao đổi với G thì được G nhất trí xin việc cho cháu Yến. Chi phí xin việc cho cháu Yến là 100.000.000 đồng, tiếp nhận thông tin từ

ông Hạnh, thì ông T truyền đạt lại với bà Đỗ Thị Sơn là mẹ của cháu Yến, sau đó bà Sơn đã giao tiền cho T để đưa cho Hạnh. Ngày 17/4/2013 T đến nhà Hạnh giao cho Hạnh số tiền 50.000.000 đồng. Ngày 18/4/2013 Hạnh đã giao cho G số tiền 40.000.000 đồng, là khoản tiền xin việc cháu Yến.

Tại cơ quan điều tra Bùi Văn H khai đã nhận số tiền 50.000.000 đồng của Bùi Xuân T, số tiền này đã đưa toàn bộ cho Phạm Văn G, nhưng G chỉ ghi giấy nhận tiền dưới hình thức vay tiền là 40.000.000 đồng, còn 10.000.000 đồng là chi phí đi lại, quà biếu nên không ghi. Phạm Văn G khai chi phí xin việc cho Yến hết 80.000.000 đồng, G chỉ nhận trước số tiền 40.000.000 đồng để xin việc cho cháu Yến. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công An tỉnh Bắc G đã cho G và Hạnh đối chất về nội dung này, nhưng G và Hạnh vẫn giữ nguyên lời khai đã khai. Căn cứ vào giấy vay tiền ghi ngày 18/4/2013 cáo trạng xác định Phạm Văn G đã nhận số tiền 40.000.000 đồng của Bùi Văn H để xin việc cho cháu Đỗ Thị Hải Yến là có căn cứ.

Thời gian sau G thông báo quan Hạnh để cháu Yến đi thi năng khiếu, nhưng do gian đình cháu Yến không tin tưởng đối với Hạnh và G nên cháu Yến không đi thi và yêu cầu trả lại tiền. Đến tháng 11/2015 G trả lại số tiền cho Hạnh và đến tháng 12/2017 Hạnh đã trả tiền cho gian đình cháu Yến.

Vụ thứ tư: Ông Trần văn Th, sinh năm 1961, trú tại Phô Biễn, xã Biễn Động, huyện Lục Ngạn, có con trai là Anh Trần văn V, sinh năm 1991 tốt nghiệp trường Trung cấp y Bắc G muốn xin vào làm viên chức ngành y tế. Hạnh đã nhờ G xin giúp, G sau đó nói chuyện với Th thì được Th đồng ý. Hạnh nói lại với ông Trần văn Th là chi phí xin việc phải hết 220.000.000 đồng thì ông Thu đồng ý. Sau đó ông Thu đã 2 lần đến nhà của Hạnh giao cho Hạnh tổng số tiền 220.000.000 đồng, tại các lần nhận tiền Hạnh đều viết giấy biên nhận tiền dưới dạng vay tiền. Sau đó Hạnh đã đưa chuyển cho G số tiền nhận của ông Thu. Trong khoảng thời gian này G cũng đã nhiều lần đưa chuyển tiền cho Th để xin việc cho Anh V. Sau khi nhận tiền không xin được việc cho Anh V nên ông Thu nhiều lần đòi tiền Hạnh, thì Hạnh lại đòi G trả tiền. Do không trả được tiền cho ông Thu, nên G và Th đã làm 01 giấy cam kết giả, với nội dung ông Nguyễn Đức C là Phó phòng TCCQ của Sở

nội vụ tỉnh Bắc G cam kết với gian đình Trần văn V và chị Nguyễn Thị Th, trong tháng 11 hoặc tháng 12/2014 sẽ xin được việc cho Anh V, chị Thức, nhưng đến năm 2015 không xin được việc cho Anh V và chị Thức, hai gian đình nhiều lần đòi lại tiền, sau đó Th trả lại tiền cho G, G đã trả lại tiền cho Hạnh để trả lại cho gian đình Anh V.

Tại cơ quan điều tra Hạnh khai đưa chuyển cho G số tiền 200.000.000 đồng để xin việc, còn lại 20.000.000 đồng thì Hạnh và G mỗi người 10.000.000 đồng để chi phí đi lại. G khai nhận số tiền 150.000.000 đồng của Hạnh để lo xin biên chế viên chức ngành y tế cho Anh V. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công An tỉnh Bắc G đã tiến hành đối chất giữa Hạnh và G nhưng các bên vẫn giữ nguyên lời khai, trong khoảng thời gian này thì G viết 2 giấy biên nhận tiền với số lượng tiền 150.000.000 đồng và 200.000.000 đồng, cáo trạng xác định không có căn cứ xác định cụ thể số tiền G và Hạnh đã chuyển trong lần này, có căn cứ để xác định việc G chuyển số tiền xin việc của V cho Nguyễn Văn Th trong tổng số tiền 350.000.000 đồng mà Th đã nhận của G.

Vụ thứ năm: Ông Sầm Văn Thành, sinh năm 1956, trú tại Núi Lều, xã Giáp Sơn, huyện Lục Ngạn, có con là Sầm Văn C, tốt nghiệp trường cao đẳng sư phạm Thái Nguyên chưa xin được việc. Khoảng năm 2013 thông qua Hạnh thì được biết Hạnh có thể nhờ người khác xin vào biên chế viên chức giáo viên. Ngày 06/8/2013 ông Sầm Văn C đã giao cho Hạnh hồ sơ xin việc của C cùng số tiền 160.000.000 đồng. Hạnh sau đó đã đưa chuyển số tiền trên cho G, G lại đưa chuyển cho Th để xin việc cho Anh C. Thời gian sau không thấy Anh C có quyết định đi làm, ông Thành đã nhiều lần đòi lại tiền, nên Hạnh đòi tiền G, thì G lại đòi tiền Th. Đến năm 2015 thì Th trả tiền cho G, G trả lại tiền cho Hạnh để trả cho ông Sầm Văn Thành.

Tại cơ quan điều tra Bùi Văn H khai đã đưa cho G số tiền 150.000.000 đồng, còn lại 10.000.000 đồng Hạnh giữ lại để chi phí quà biếu không ghi vào giấy biên nhận tiền dưới dạng giấy vay tiền. G khai đưa cho Th số tiền 60.000.000 đồng trong lần này, bản thân Th không nhớ G đưa tiền để xin việc cho Sầm Văn C hay không, Th chỉ biết nhận tổng số tiền 350.000.000

đồng từ G. Tiến hành đối chất giữa Hạnh, G, Th các bên vẫn giữ nguyên lời khai, nên cáo trạng xác định không có căn cứ để xác định G đã chuyển số tiền xin việc của Sầm Văn C cho Th.

Vụ thứ sáu: Anh Hoàng Văn Kh có quen biết Phạm Văn G từ trước. Vợ Anh Kh là chị Nguyễn Thị Th tốt nghiệp trường cao đẳng y tế Phú Thọ chưa xin được việc. Quan nhiều lần nói chuyện thì Anh Kh nghe G nói có khả năng xin việc biên chế viên chức vào Bệnh viện đa khoa huyện Lục Ngạn cho chị Thức. Trong khoảng từ tháng 8/2012 đến tháng 12/2012 Anh Kh đã 03 lần đưa tiền cho G để xin việc cho chị Thức. với số tổng số tiền là 110.000.000 đồng. Tuy nhiên Phạm Văn G chỉ thừa nhận đã nhận tiền của vợ chồng Anh Kh là 02 lần với tổng số tiền 70.000.000 đồng. Tiến hành đối chất giữa các bên vẫn giữ nguyên lời khai, nên cáo trạng kết luận cần xác định số tiền Phạm Văn G chiếm đoạt của Anh Kh chị Thức là 70.000.000 đồng. Tại giấy cam kết người có tên “Nguyễn Đức C” cam kết với Anh V, chị Thức trong tháng 11 hoặc tháng 12/2014 sẽ được đi làm. Căn cứ lời khai của G, Kh, Thức, Th cùng giấy cam kết nêu trên, cáo trạng kết luận đủ căn cứ xác định Nguyễn Văn Th đã nhận tiền xin việc của Phạm Văn G trong tổng số tiền 350.000.000 đồng mà G đã chuyển cho Th.

Vụ thứ bảy: Năm 2015 ông Vi Văn Đ thông quan Hạnh biết Hạnh có khả năng lo chạy được chế độ chất độc màu da cam cho ông Đ. Ngày 05/01/2012 ông Đ đã giao cho Hạnh số tiền 16.000.000 đồng, sau đó Hạnh đưa chuyển số tiền đó để cho G lo chạy chế độ cho ông Đ, nhưng rất lâu ngày không lo được chế độ cho ông Đ, ngày 09/8/2016 ông Đ chết, bà Đậu là vợ ông Đ nhiều lần đòi tiền Hạnh nhưng Hạnh không trả. Ngày 12/12/2017 Hạnh mới trả lại cho bà Đậu số tiền 16.000.000 đồng nêu trên.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo Phạm Văn G và Nguyễn Văn Th đã khai nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã truy tố. Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận hành vi của mình là sai, vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Lời khai của ông Bùi Văn H, Hoàng Văn Kh và Anh Phạm Văn T tại phiên toà phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra. Tại phiên toà ông Hạnh và Anh Kh xác định các bị cáo đã giải quyết xong vấn đề dân sự, ông Hạnh, Anh Kh không yêu cầu đề nghị gì thêm và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, để các bị cáo được cải tạo tại địa phương.

Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai tại cơ quan điều tra đã được công bố tại phiên tòa.

Tại bản Cáo trạng số 58/KSĐT ngày 04 tháng 7 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn Th và Phạm Văn G về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự;

Sau phần xét hỏi, tại phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn giữ quyền công tố nhà nước tại phiên toà đã luận tội bị cáo, phân tích tính chất, mức độ hành vi của bị cáo, giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Th và Phạm Văn G phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 54 và Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn G từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 5 năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường Xương G, thành phố Bắc G, tỉnh Bắc G giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung bằng tiền từ 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) đến 15.000.000 đồng (Mười năm triệu đồng) sung công quỹ nhà nước.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 54 và Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Th từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 năm đến 05 năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. xã Yên Lư, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc G giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử

thách. Phạt bổ sung bằng tiền từ 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) đến 15.000.000 đồng (Mười năm triệu đồng) sung công quỹ nhà nước.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Phạm Văn G và Nguyễn Văn Th mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo G, ông Bùi Văn H, Anh Hoàng Văn Kh không có tranh luận gì với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn G trình bày: Nhất trí với lời luận tội của Đại diện Viện kiểm sát về tội danh điều luật và mức hình phạt, nhưng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo đã khắc phục thiệt hại cho các bị hại trước khi khởi tố vụ án; Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có tham gia quân ngũ lại sức khỏe yếu bị suy thận nặng; Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bản thân bị cáo nhận thức việc chạy việc là hành vi bình thường, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo mức hình phạt thấp nhất theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, để bị cáo cải tạo tại địa phương.

Bị cáo Th tranh luận: Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo.

Người bào chữa cho bị cáo Th trình bày: Nhất trí với lời luận tội của Đại diện Viện kiểm sát về tội danh điều luật, nhưng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo đã khắc phục thiệt hại cho các bị hại trước khi khởi tố vụ án; Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo Th có gia đình có công với cách mạng (Bố đẻ được tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng nhì, lại là người trực tiếp thờ cúng liệt sỹ là Anh trai bị cáo), bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bản thân bị cáo nhận thức việc chạy việc là hành vi phạm pháp luật hình sự. Mặc dù đã hoàn trả đủ số tiền đã nhận, nhưng bị cáo vẫn khắc phục thêm cho bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đề

ngợi Hội đồng xét xử xem xét theo khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự cho bị cáo mức hình phạt 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát đối đáp: Đại diện Viện kiểm sát đã xem xét hết các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vai trò của bị cáo, tính chất mức độ của hành vi phạm tội, nên mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên lời luận tội.

Không ai tranh luận gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Lục Ngạn, phù hợp với lời khai của những người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu hồi được và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy đã có đủ cơ sở kết luận: “Nguyễn Văn Th, sinh năm 1972 là người không có chức năng và không được giao nhiệm vụ tuyển dụng viên chức, nhưng từ ngày 19/10/2012 đến ngày 28/12/2013 Nguyễn Văn Th đã có hành vi gian dối bằng việc tự nhận mình có khả năng xin việc cho người khác vào biên chế viên chức nhà nước, nên đã tự tạo các giấy tờ giả mạo để lừa dối chiếm đoạt số tiền 350.000.000 đồng bằng hình thức giả tạo xin việc cho 3 người gồm: Chị S, chị Thúc, Anh V nhằm mục đích chiếm đoạt số tiền này. Phạm Văn G, sinh năm 1961 không có chức năng, nhiệm vụ tuyển dụng viên chức và xét hưởng chế độ chất độ da cam, nhưng đã hứa hẹn để nhận tiền của 07 người, trong đó có 06 người thông qua Bùi Văn H, để chiếm đoạt số tiền 345.000.000 đồng của 04 người gồm Anh Hiên, chị Yến, Anh C, ông Đ.”.

[2] Hành vi nêu trên của Phạm Văn G và Nguyễn Văn Th đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự. Lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đã căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử kết tội các

bị cáo theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Hội đồng xét xử xét thấy, bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn đã truy tố và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật nên cần được Hội đồng xét xử xem xét và chấp nhận. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị A tại địa phương. Vì vậy hành vi phạm tội của bị cáo phải được xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

[3] Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thì thấy: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[4] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Các bị cáo Nguyễn Văn Th, Phạm Văn G quá trình điều tra đã tự nguyện khắc phục hậu quả, trả lại tiền cho người bị hại nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Gian đình bị cáo Nguyễn Văn Th có công với cách mạng (bố đẻ được tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng nhì, Anh trai bị cáo Th là liệt sỹ); Bị cáo G tham gian nghĩa vụ quân sự; Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Trước khi khởi tố vụ án các bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho các bị hại, bị hại đề nghị cho các bị cáo cải tạo tại địa phương, bản thân các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú ổn định rõ ràng, do vậy cần áp dụng xử phạt các bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và không cần thiết cách ly các bị cáo khỏi xã hội mà chỉ cần giam các bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát giáo dục cũng có đủ điều kiện để cải tạo các bị

cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp. Đối với loại tội này ngoài hình phạt chính các bị cáo còn phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền cho các bị cáo theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[6] Đối với Bùi Văn H quá trình điều tra xác định từ năm 2012 đến ngày 05/01/2015 Bùi Văn H đã nhận số tiền của 6 người gồm xin việc: Cho Anh Hiên, chị Yến, chị S, Anh V, Anh C và chạy chế độ chất độc màu da cam cho ông Đ. Theo giấy biên nhận tiền xác định từ ngày 07/6/2013 đến ngày 18/11/2015 Phạm Văn G đã trả lại cho Bùi Văn H tổng số tiền 660.000.000 đồng, trong thời điểm này Hạnh trả cho những người bị hại số tiền 429.000.000 đồng, nhưng đến tháng 12/2017 Hạnh mới trả nốt số tiền 247.000.000 đồng, hành vi này của Bùi Văn H đã bị khởi tố về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”. Sau đó Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công An huyện Lục Ngạn áp dụng điểm c khoản 2 Điều 29 đã đình chỉ điều tra bị cA đối với Bùi Văn H với căn cứ Bùi Văn H do tin tưởng Phạm Văn G, nên ban đầu mục đích chỉ là nhờ xin việc cho 6 người, bản thân đến nay đã khắc phục hậu quả, Bùi Văn H bị mắc bệnh huyết áp cao, là người cao tuổi, có hoàn cảnh khó khăn. Hội đồng xét xử đã trả hồ sơ điều tra bổ sung để xem xét nội dung này, tuy nhiên Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn vẫn giữ nguyên quyết định đình chỉ trên, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra Ông Bùi Văn H xác định đến nay Phạm Văn G còn nợ ông số tiền 200.000.000 đồng và yêu cầu G trả lại số tiền trên cho ông Hạnh; Anh Hoàng Văn Kh yêu cầu ông Phạm Văn G phải trả số tiền 40.000.000 đồng. Tuy nhiên tại phiên tòa ông Hạnh, Anh Kh xác định các bên đã tự giải quyết nội dung này và không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết, nên Hội đồng xét xử không Đ ra xem xét giải quyết.

[8] Về vật chứng: Quá trình điều tra vụ án thu giữ giấy tờ biên nhận tiền viết dưới dạng vay tiền, bản phô tô quyết định xét tuyển viên chức giả, giấy cam kết mAg tên Nguyễn Đức C, đĩa DVD ghi âm hội thoại là tài liệu chứng cứ liên quan đến vụ án được chuyển vào hồ sơ vụ án.

[9] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí và được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Th và Phạm Văn G phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 54 và Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn G 03 năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 5 năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường XG, thành phố BG, tỉnh BG giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung bằng tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) sung công quỹ nhà nước.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 54 và Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Th 02 năm 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã YL, huyện YD, tỉnh BG giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung bằng tiền từ 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) sung công quỹ nhà nước.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp bị cáo Phạm Văn G và Nguyễn Văn Th thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Phạm Văn G và Nguyễn Văn Th mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Báo cho các bị cáo có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Công A huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn;
- Bị cáo;
- Lưu VP và hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Văn Thế